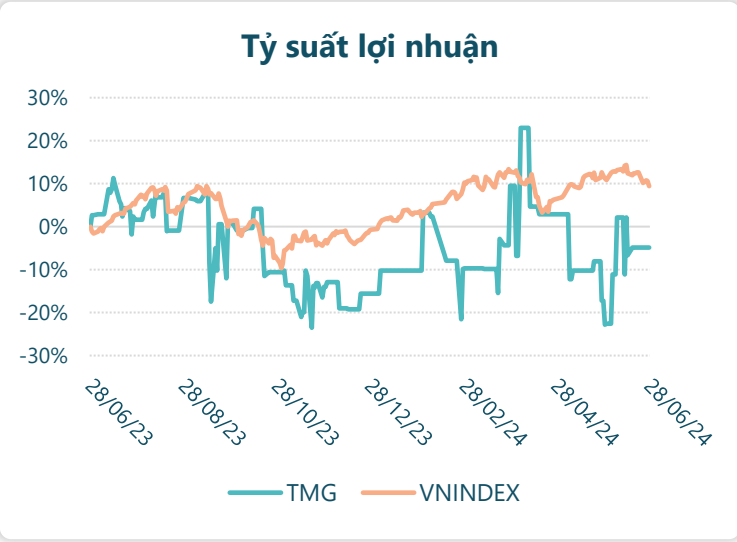


Ngày	53,000 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	29.0%	-8.9%	18.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	40,617 - 65,311
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	954
Số lượng CPLH (CP)	18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.62)
EPS	2,265
P/E	23.4



Doanh thu thuần
Q2/24

293

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.0 | 16.2%

YoY: ▼ 19.0 | -6.1%

Nợ/VCSH
Q2/24

149%

YoY: +/- ▲ 52.0%

LN gộp
Q2/24

51.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.0 | 150%

YoY: ▲ 20.9 | 67.9%

ROE (TTM)
Q2/24

17.4%

YoY: +/- ▲ 10.2%

LN trước thuế
Q2/24

36.5

tỷ VNĐ

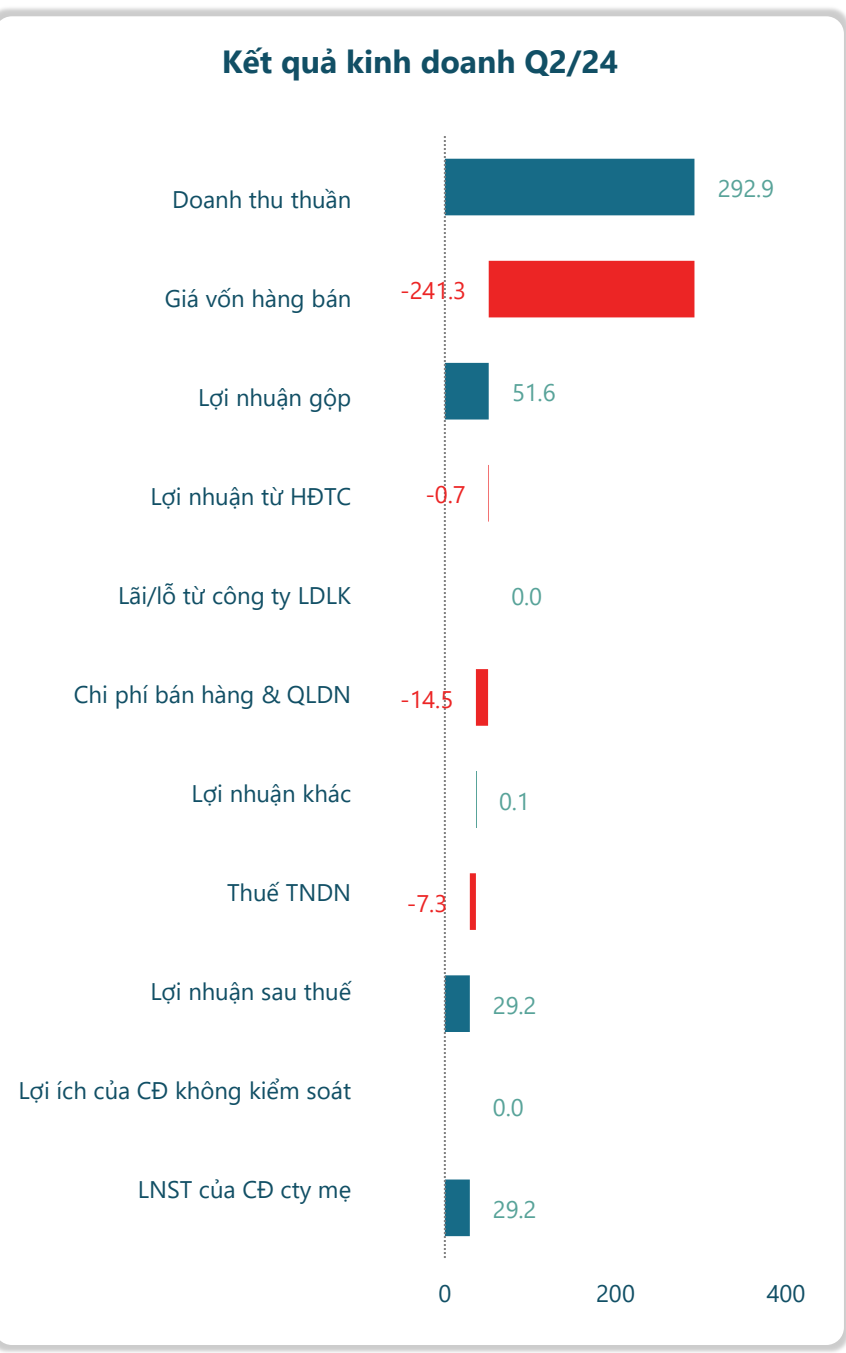
QoQ: ▲ 31.3 | 597%

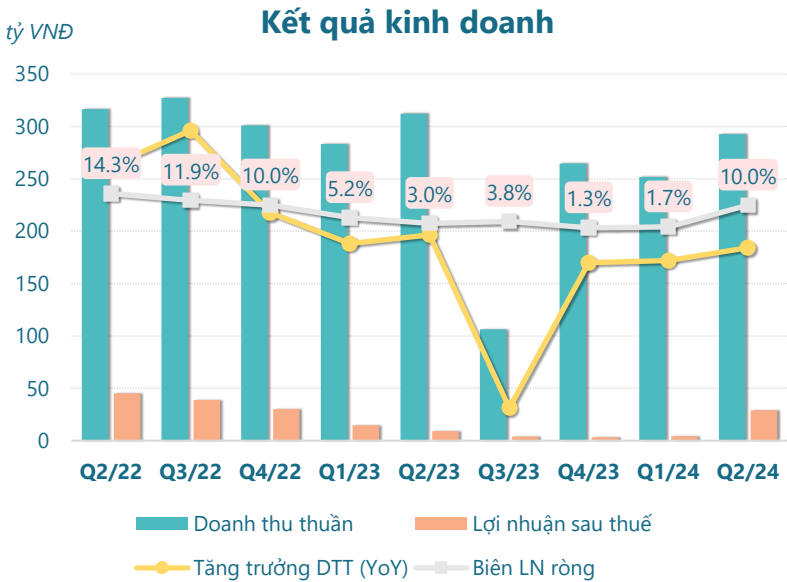
YoY: ▲ 24.7 | 209%

ROA (TTM)
Q2/24

7.3%

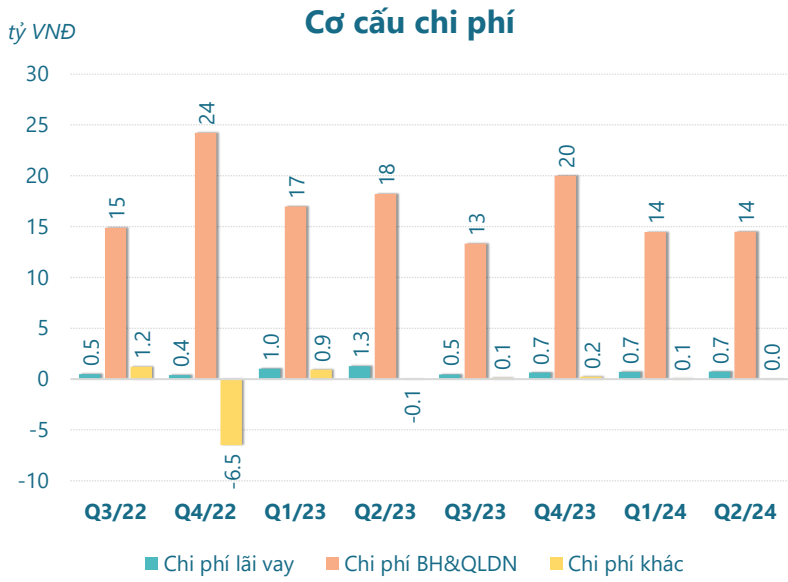
YoY: +/- ▲ 3.4%





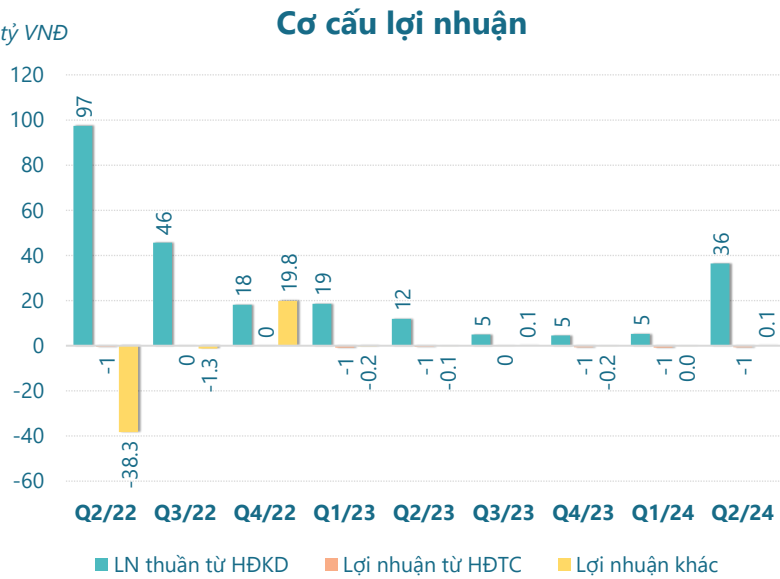
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 36.40 tỷ đồng**, tăng thêm 595% so với kỳ trước và cao hơn 206% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.68 tỷ đồng** tăng thêm 0.15 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.07 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.07 tỷ đồng**, tăng thêm 0.08 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **TMG** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **292.9 tỷ đồng** giảm đi **6.25%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 29.17 tỷ đồng, tăng trưởng 213%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **545.0 tỷ đồng** thấp hơn 8.56% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 33.00 tỷ đồng** cao hơn 37.5% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.73 tỷ đồng** tăng thêm 1.39% so với kỳ trước và thấp hơn 42.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **14.49 tỷ đồng** tăng thêm 0.07% so với kỳ trước và thấp hơn 20.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và tăng thêm 0.07 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	293	252	16.2%	312	-6.1%	545	596	-8.6%
Giá vốn hàng bán	241	231	4.5%	282	-14.4%	472	528	-10.6%
Lợi nhuận gộp	51.6	20.6	150%	30.7	67.9%	72.1	67.2	7.2%
Doanh thu HĐTC	0.06	0.01	463%	0.67	-91.6%	0.07	0.78	-91.5%
Chi phí TC	0.73	0.84	-12.9%	1.28	-42.9%	1.57	2.31	-31.9%
Chi phí lãi vay	0.73	0.72	1.6%	1.27	-42.4%	1.45	2.29	-36.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.78	0.49	60.0%	0.55	42.6%	1.27	1.13	13.1%
Chi phí QLDN	13.7	14.0	-2.1%	17.7	-22.6%	27.7	34.1	-18.7%
LN thuần từ HĐKD	36.4	5.24	595%	11.9	206%	41.6	30.5	36.4%
Lợi nhuận khác	0.07	-0.01	752%	-0.07	193%	0.05	-0.30	117%
LN trước thuế	36.5	5.23	597%	11.8	209%	41.7	30.2	37.9%
Lợi nhuận sau thuế	29.2	4.16	601%	9.31	213%	33.3	24.0	39.0%
LNST của CĐ cty mẹ	29.2	4.16	601%	9.31	213%	33.3	24.0	39.0%

